

QUY ĐỊNH

Về quản lý vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung về quản lý phát triển, sản xuất vật liệu xây dựng và sử dụng vật liệu xây dựng vào công trình xây dựng; phân công trách nhiệm các cơ quan trong công tác quản lý vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Vật liệu xây dựng* là sản phẩm, hàng hóa được sử dụng để tạo nên công trình xây dựng, trừ các trang thiết bị điện và thiết bị công nghệ.

2. *Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng thuộc nhóm 1* là sản phẩm, hàng hóa không có khả năng gây mất an toàn trong điều kiện vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý và đúng mục đích, không gây hại cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường.

3. *Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng thuộc nhóm 2* là sản phẩm, hàng hóa trong điều kiện vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý và đúng mục đích vẫn tiềm ẩn khả năng gây hại cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường.

4. *Công trình sản xuất vật liệu, sản phẩm xây dựng* là một công trình độc lập, một tổ hợp các công trình hoặc một dây chuyền công nghệ trong các cơ sở sau: Mở khai thác nguyên liệu cho ngành vật liệu xây dựng (cát, đá, sét, và các nguyên liệu cho ngành vật liệu xây dựng khác); nhà máy sản xuất xi măng; trạm nghiền xi măng hoặc các công trình đơn lẻ khác trong dây chuyền sản xuất vật liệu, sản phẩm xây dựng; các công trình sản xuất vật liệu, sản phẩm xây dựng khác (các loại cấu kiện bê tông, gạch xi măng cốt liệu, gạch đất sét nung và các loại viên xây khác, sản phẩm ốp, lát, sứ vệ sinh, kính và các sản phẩm từ kính, các sản phẩm từ gỗ và các sản phẩm khác).

Điều 4. Nguyên tắc quản lý và phân công trách nhiệm

1. Phát triển, sản xuất và sử dụng vật liệu xây dựng phải bảo đảm an toàn, hiệu quả, phát triển bền vững, thân thiện với môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên.

2. Vật liệu, cấu kiện sử dụng cho công trình xây dựng phải theo đúng thiết kế xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật (nếu có) đã được phê duyệt, bảo đảm chất lượng theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện trong quản lý về vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Điều 5. Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng chủ yếu

1. Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng chủ yếu tỉnh Bắc Kạn được lập làm căn cứ để nâng cao năng lực quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh; là cơ sở để các cơ quan quản lý chuyên ngành thực hiện công tác tham mưu cấp chủ trương đầu tư và cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đến thời điểm quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, quyết định theo Luật Quy hoạch.

2. Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng chủ yếu tỉnh Bắc Kạn phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Kạn; chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050.

Điều 6. Chính sách phát triển vật liệu xây dựng

Chính sách phát triển vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường thực hiện theo Điều 5, Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng.

Điều 7. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất vật liệu xây dựng

1. Quy định chung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất vật liệu xây dựng.

a) Dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất vật liệu xây dựng phải phù hợp với Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050; Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên

khoáng sản trong quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng chủ yếu tỉnh Bắc Kạn và quy định pháp luật có liên quan.

b) Nội dung quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất vật liệu xây dựng thực hiện theo Điều 6, Nghị định số 09/2021/NĐ-CP; thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế, dự toán xây dựng; cấp giấy phép xây dựng và quản lý chất lượng công trình sản xuất vật liệu xây dựng thực hiện theo quy định của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 và Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành quy định phân cấp về quản lý, tổ chức thực hiện dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Riêng đối với công trình khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng còn phải thực hiện theo Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản.

2. Đối với dự án khai thác, sản xuất cát xây dựng

a) Dự án đầu tư khai thác cát, sỏi

Sử dụng công nghệ khai thác tiên tiến kết hợp với tuyển rửa loại bỏ tạp chất để nâng cao chất lượng cát; phế thải sinh ra trong quá trình xử lý phải được thu gom, lưu chứa đúng kỹ thuật hoặc tái sử dụng. Hoạt động khai thác cát xây dựng theo giấy phép được cấp, đối với cát sỏi lòng sông, hồ còn phải tuân thủ các yêu cầu tại Điều 14 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

b) Dự án sản xuất cát nghiền

Sử dụng dây chuyền công nghệ tiên tiến, đồng bộ bao gồm các thiết bị gia công, chế biến, sàng, tuyển, vận chuyển và các thiết bị xử lý môi trường; khuyến khích sử dụng các loại phế thải các ngành xây dựng, giao thông... để sản xuất cát xây dựng.

c) Không sử dụng cát tự nhiên đạt tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho bê tông làm vật liệu san lấp.

3. Đối với dự án sản xuất gạch đất sét nung

a) Dự án đầu tư xây dựng mới hoặc đầu tư mở rộng công trình sản xuất gạch đất sét nung, phải đảm bảo các chỉ tiêu về tiêu hao năng lượng, áp dụng khoa học, kỹ thuật, cải tiến công nghệ, cơ giới hóa trong quá trình sản xuất.

b) Không sử dụng đất trồng lúa, khuyến khích tận dụng nguồn đất sét phát sinh từ thi công nền, móng các công trình xây dựng làm nguyên liệu sản xuất gạch đất sét nung; không đầu tư mới, đầu tư mở rộng các dây chuyền sản xuất

gạch đất sét nung khi không có vùng nguyên liệu trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên của tỉnh đã được phê duyệt.

4. Đối với dự án sản xuất vật liệu xây không nung

a) Khuyến khích sử dụng công nghệ, dây chuyền thiết bị tiên tiến, hiện đại cơ giới hóa, tự động hóa.

b) Các loại nguyên liệu là phụ gia, phế thải của các ngành công nghiệp khác dùng để sản xuất vật liệu xây không nung phải được kiểm nghiệm có kết quả phù hợp để sản xuất vật liệu xây dựng, việc vận chuyển, lưu giữ tại các kho, bãi, phương tiện vận chuyển phải đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường.

5. Đối với dự án khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường

a) Khuyến khích đầu tư dây chuyền khai thác, chế biến đá xây dựng sử dụng công nghệ tiên tiến, công suất lớn; phối hợp sản xuất đá xây dựng và cát nghiền; liên kết với các dây chuyền sản xuất bê tông, gạch không nung và các vật liệu xây dựng khác.

b) Không cấp phép đầu tư mới, đầu tư mở rộng đối với các dự án khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng ảnh hưởng đến cảnh quan thiên nhiên, vệ sinh môi trường, các điểm di sản văn hóa, di sản địa chất, đa dạng sinh học, phát triển du lịch, khu vực đất rừng phòng hộ, đặc dụng và đảm bảo các quy định về an ninh, quốc phòng.

Điều 8. Sử dụng vật liệu xây dựng và cấu kiện xây dựng trong công trình xây dựng

1. Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng và cấu kiện xây dựng khi sử dụng trong công trình xây dựng phải đảm bảo chất lượng, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tuân thủ thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật (nếu có).

2. Tỷ lệ sử dụng vật liệu xây không nung trong công trình xây dựng được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công tối thiểu là 70% tại khu vực thành phố Bắc Kạn, 50% tại các khu vực còn lại trong giai đoạn đến năm 2025, toàn tỉnh sử dụng 100% trong giai đoạn đến năm 2030. Tỷ lệ sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng từ 09 tầng trở lên phải sử dụng tối thiểu 80% trong giai đoạn đến năm 2025, sử dụng tối thiểu 90% trong giai đoạn đến năm 2030.

3. Khuyến khích sử dụng vật liệu xây không nung, vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, vật liệu xây dựng sản xuất trên địa bàn tỉnh hoặc trong nước đối với các công trình xây dựng được đầu tư bằng nguồn vốn khác.

Điều 9. Quản lý việc xử lý, sử dụng chất thải trong sản xuất vật liệu xây dựng

1. Quản lý việc xử lý, sử dụng chất thải trong sản xuất vật liệu xây dựng theo Điều 9 Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng.

2. Khuyến khích sử dụng tối đa các loại chất thải của các ngành xây dựng, giao thông, công nghiệp (tro, xỉ than; xỉ luyện kim...) làm nguyên liệu để sản xuất vật liệu xây không nung, cát xây dựng, bê tông tiết kiệm tài nguyên khoáng sản.

Điều 10. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng và cấu kiện xây dựng

1. Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng và cấu kiện xây dựng lưu thông trên thị trường phải được công bố tiêu chuẩn áp dụng, tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn, hợp quy của tỉnh, thành phố nơi sản phẩm được sản xuất và phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

a) Đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng nhóm 1 (các sản phẩm, hàng hóa ngoài điểm b khoản này), việc công bố hợp chuẩn, hợp quy là hoạt động tự nguyện. Trình tự, hồ sơ công bố hợp chuẩn thực hiện theo Chương II, Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

b) Đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng thuộc nhóm 2 (được quy định tại Bảng 1, Phần 2 của QCVN 16:2019/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 19/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng), việc công bố hợp quy là hoạt động bắt buộc. Trình tự, hồ sơ công bố hợp quy thực hiện theo Chương III, Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Những sản phẩm vật liệu xây dựng chưa có tiêu chuẩn quốc gia thì nhà sản xuất phải có trách nhiệm công bố tiêu chuẩn cơ sở theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và phải chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm do mình sản xuất.

3. Sản phẩm vật liệu xây dựng có nhãn thì phải được ghi đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa.

4. Sản phẩm vật liệu xây dựng đã được chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy phải tuân thủ quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về dấu hợp quy và sử dụng dấu hợp quy.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CẤP, NGÀNH, CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC QUẢN LÝ, SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về vật liệu xây dựng;

2. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, chương trình, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về khuyến khích hoặc hạn chế đầu tư, sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu xây dựng.

4. Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng tại địa phương theo quy định của pháp luật. Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan kiểm tra chất lượng các loại sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được sản xuất, lưu thông và đưa vào sử dụng trong các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

5. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế sau thiết kế cơ sở các dự án đầu tư/công trình sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về xây dựng.

6. Tổ chức kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh. Thanh tra Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thanh tra chuyên ngành về các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

7. Thực hiện trách nhiệm của cơ quan chuyên ngành trong việc công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

8. Theo dõi, thống kê, tổng hợp tình hình hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng tại địa phương. Hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng về các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng của địa phương.

9. Các nhiệm vụ khác về quản lý vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng thẩm định hồ sơ môi trường đối với các dự án đầu tư xây dựng, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn.

3. Kiểm tra chuyên ngành công tác chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường đối với các nhà máy, các mỏ khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn.

4. Phối hợp với Sở Xây dựng:

a) Lập quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

b) Cung cấp thông tin về:

- Kết quả thăm dò, khai thác, trữ lượng các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Tài liệu, thông tin về tình hình cấp giấy phép hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

- Các thông tin khi có yêu cầu để phục vụ công tác quản lý quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng và quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

c) Kiểm tra hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại về vật liệu xây dựng nhằm giúp các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

2. Tham mưu xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo phương án phát triển các cụm công nghiệp được phê duyệt để thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra và xử lý các vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, nhiên liệu thiết yếu, năng lượng và các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về kỹ thuật an toàn đối với các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng.

4. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất vật liệu xây dựng và hỗ trợ di dời cơ sở sản xuất sản xuất vật liệu xây dựng gây ô nhiễm môi trường vào khu, cụm công nghiệp.

5. Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện công tác quy hoạch thăm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế sau thiết kế cơ sở đối với các dự án, công trình khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và các dự án, công trình sản xuất vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; thực hiện kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật đối với tổ chức, cá nhân hoạt động về vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Tổ chức kiểm tra, thanh tra về tiêu chuẩn đo lường, chất lượng, nhãn hàng hóa các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được sản xuất, lưu thông trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức các hoạt động khoa học kỹ thuật để giới thiệu và phổ biến những công nghệ hiện đại trong nước và thế giới trong việc thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức thăm định công nghệ khai thác, chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng thuộc dự án đầu tư triển khai trên địa bàn tỉnh.

4. Tham mưu, hướng dẫn áp dụng các chính sách hỗ trợ ưu đãi về công nghệ, chuyển giao công nghệ đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ

5. Phối hợp với Sở Xây dựng: Hướng dẫn, phổ biến các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và hướng dẫn thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan tăng cường công tác xúc tiến, đầu tư các dự án sản xuất vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, phù hợp với quy hoạch.

2. Phối hợp với Sở Xây dựng cung cấp thông tin về tình hình hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Định kỳ hàng tháng cung cấp cho Sở Xây dựng danh sách doanh nghiệp được cấp mới giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư, doanh nghiệp giải thể, doanh nghiệp tạm ngừng hoặc bị cấm hoạt động, doanh nghiệp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp bị thu hồi giấy chứng nhận đầu tư trong lĩnh vực vật liệu xây dựng để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kiểm tra hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng của doanh nghiệp sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư.

4. Phối hợp với Sở Xây dựng cùng các đơn vị có liên quan tổ chức quản lý và thực hiện quy hoạch vật liệu xây dựng sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành liên quan hướng dẫn chính sách hỗ trợ về tài chính cho các doanh nghiệp hoạt động sản xuất trên địa bàn tỉnh có công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường và hiệu quả kinh tế thấp chuyển sang sử dụng công nghệ mới, hiện đại.

2. Chủ trì kiểm tra việc niêm yết giá và bán đúng giá niêm yết các loại vật liệu xây dựng của các tổ chức, cá nhân sản xuất, cung ứng vật liệu xây dựng trên địa bàn.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng thực hiện các quy định về: Bảo hộ lao động, an toàn, vệ sinh lao động và các quy định liên quan đến pháp luật lao động.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức kiểm tra đối với máy móc, thiết bị đưa vào sản xuất, chế biến, khai thác trong lĩnh vực vật liệu xây dựng (nếu có) đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn các ngành, các địa phương thực hiện công tác quản lý nhà nước về giao thông vận tải trên địa bàn các địa phương có hoạt động khai thác khoáng sản.

2. Phối hợp cùng các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp trong việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp và xây mới các tuyến đường giao thông tới khu công nghiệp, các cụm công nghiệp, các nhà máy sản xuất và các khu vực khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển nguyên nhiên liệu, vật tư cho sản xuất và lưu thông sản phẩm đi tiêu thụ.

3. Thực hiện kiểm tra và xử lý các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông; lấn chiếm vỉa hè, lòng lề đường; gây bụi bẩn, mất mỹ quan đường phố.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với các ngành có chức năng quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu xây dựng, đảm bảo không ảnh hưởng đến rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, công trình thủy lợi, công trình bảo vệ bờ sông, suối; đất trồng lúa... và các nội dung công việc có liên quan khác.

Điều 20. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Chỉ đạo các lực lượng công an phối hợp với Thanh tra Xây dựng, Thanh tra Giao thông, Quản lý thị trường, Chính quyền các địa phương kiểm tra và xử lý các tổ chức, cá nhân kinh doanh các mặt hàng vật liệu xây dựng trên địa bàn vi phạm quy định của pháp luật trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông, trật tự an toàn xã hội.

2. Chỉ đạo lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy, cứu nạn và cứu hộ; lực lượng Cảnh sát môi trường theo chức năng quản lý nhà nước phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra đối với cá nhân, tổ chức liên quan đến lĩnh vực vật liệu xây dựng trong việc thực hiện các quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng sản và Tài nguyên nước.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Chỉ đạo phòng chức năng thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn, cụ thể:

1. Tổ chức chỉ đạo, tuyên truyền và hướng dẫn công tác quản lý nhà nước đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định của pháp luật.

2. Thường xuyên kiểm tra, thanh tra đối với tổ chức, cá nhân trong việc thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn quản lý, xử lý hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, thực hiện phòng chống tham nhũng, lãng phí trong lĩnh vực vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật.

3. Đề xuất việc xây dựng quy hoạch, bổ sung quy hoạch các địa điểm được phép sản xuất vật liệu xây dựng đảm bảo phù hợp với các quy định của tỉnh và điều kiện thực tế của địa phương.

4. Phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện các cuộc điều tra, thống kê các tổ chức cá nhân thực tế khai thác, chế biến, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

5. Theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm và đột xuất về tình hình đầu tư, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, tình hình sản xuất vật liệu xây dựng của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn gửi Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo theo quy định.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác về lĩnh vực vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

1. Hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

2. Giám sát, kiểm tra, phát hiện các hành vi vi phạm và kịp thời xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền và Báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thành phố theo quy định.

3. Thực hiện công tác báo cáo đột xuất hoặc định kỳ gửi về Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và thực hiện các nhiệm vụ khác về lĩnh vực vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng

1. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Khoáng sản và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong ranh giới mỏ; khai thác, chế biến hợp lý tiết kiệm đúng thiết kế mỏ, thực hiện an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ và phục hồi môi trường - môi sinh - đất đai; bảo đảm quyền lợi của nhân dân địa phương nơi hoạt động khai thác mỏ, ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương nơi có hoạt động khoáng sản, bồi thường các thiệt hại do hoạt động khoáng sản của mình gây ra...

3. Trước khi đi vào hoạt động khai thác cần cắm mốc ranh giới khu vực khai thác; hoàn thiện đầy đủ các thủ tục pháp lý liên quan trước khi xây dựng cơ bản và đi vào khai thác.

4. Thực hiện kê khai giá, niêm yết giá và bán đúng giá niêm yết theo quy định. Khi có biến động về giá thì các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm gửi văn bản về Sở Xây dựng và Sở Tài chính để tổng hợp, theo dõi.

5. Tuân thủ các quy định về thanh tra, kiểm tra, chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

6. Báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm và đột xuất về tình hình đầu tư, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, tình hình sản xuất vật liệu xây dựng gửi các phòng Kinh tế và Hạ tầng, phòng Quản lý đô thị để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối tổ chức hướng dẫn, đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để được hướng dẫn và tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./